

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

*Yêu cầu về kỹ thuật mang tính kỹ thuật thuần túy và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.*

*Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.*

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

#### **1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:**

1.1. Phạm vi công việc của gói thầu: Thực hiện Gói thầu số 1: Chi phí xây dựng thi công công trình Trồng, chăm sóc rừng trồng thay thế; thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 28B qua tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng (đoạn thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận cũ), Diện tích: 55,7 ha.

1.3. Địa điểm thực hiện: Tiểu khu 147, 148, 149, 150 xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng; nằm trong quy hoạch đất rừng sản xuất do Ban quản lý rừng phòng hộ Lê Hồng Phong quản lý

1.4. Thời hạn hoàn thành : 5năm.

#### **2. Mục tiêu công việc:**

Thực hiện Gói thầu số 1: Chi phí xây dựng thi công công trình Trồng, chăm sóc rừng trồng thay thế; thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 28B qua tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng (đoạn thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận cũ), Diện tích: 55,7 ha, cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và đúng tiến độ.

Trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục sử dụng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp nhằm hoàn trả lại diện tích rừng, phủ xanh đất trống, giữ vững tỷ lệ che phủ rừng, góp phần bảo vệ, ổn định môi trường sinh thái, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

#### **3. Nội dung và quy mô, giải pháp thiết kế:**

\* **Nội dung:** thực hiện các biện pháp, giải pháp kỹ thuật lâm sinh trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 28B qua tỉnh Bình Thuận (cũ) và tỉnh Lâm đồng (cũ), đoạn thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận (cũ).

\* **Quy mô:** 55,7 ha, diện tích thực trồng 55,7 ha, diện tích thiết kế 4 khoảnh, 22 lô gồm:

- + Tiểu khu 147: 28,78 ha (Khoảnh 1 có 13 lô, gồm: lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13);
- + Tiểu khu 148: 9,62 ha (Khoảnh 2 có 04 lô, gồm: lô 1, 2, 3 và 4);
- + Tiểu khu 149: 4,36 ha (Khoảnh 3 có 01 lô (lô 1));
- + Tiểu khu 150: 12,94 ha (Khoảnh 4 có 04 lô, gồm lô 1, 2, 3 và 4).

**\* Giải pháp thiết kế chủ yếu:**

<b>Hạng mục</b>	<b>Lô, khoảnh</b>	<b>Lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 – khoảnh 1, tiểu khu 147; lô 1, 2, 3, 4 – khoảnh 2, tiểu khu 148; Lô 1, 2, 3, 4 – khoảnh 4, tiểu khu 150</b>	<b>Lô 1; Khoảnh 3, tiểu khu 149</b>
Diện tích thực trồng/ diện tích thiết kế		51,34 ha/55,7 ha	4,36 ha/ 55,7 ha
Xử lý thực bì	Phát dọn thực bì thủ công theo đám, khối lượng 4.000 m <sup>2</sup> /ha; dung rựa phát dây leo, cây bụi và cỏ dại sát gốc, băm đập thực bì đã phát thành những đoạn ngắn, thu gom tập thực bì đã phát qua hai bên. (Trong quá trình phát dọn thực bì chừa lại những cây gỗ và cây tái sinh có mục đích nhằm che bóng cho cây trồng chính trong thời kỳ đầu và tăng khả năng phòng hộ và hạn chế đốt; trường hợp đốt thực bì phải đốt theo bang, theo đám và đốt có kiểm soát). Việc xử lý thực bì phải thực hiện trước khi trồng ít nhất 01 tháng.		
Loài cây trồng	Xoan chịu hạn	Thanh Thất	
Mật độ trồng	1.111 cây/ha		
Cự ly hàng	3 m		
Cự ly cây	3 m		
Phương thức trồng	Thuần loài		
Phương pháp trồng	Cây con có túi bầu		
Tiêu chuẩn cây giống Dbq, Hbq	- Cây giống trồng rừng phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng (theo quy định tại Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ và Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT);	- Cây giống trồng rừng phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng (theo quy định tại Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ và Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT);	

<p style="text-align: center;"><b>Lô, khoảnh</b></p> <p><b>Hạng mục</b></p>	<p><b>Lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 – khoảnh 1, tiểu khu 147; lô 1, 2, 3, 4 – khoảnh 2, tiểu khu 148; Lô 1, 2, 3, 4 – khoảnh 4, tiểu khu 150</b></p>	<p><b>Lô 1; Khoảnh 3, tiểu khu 149</b></p>
	<p>- Cây sinh trưởng tốt, cứng cáp, không cụt ngọn, không sâu bệnh. + Đường kính cổ rễ: từ 0,5 cm; + Chiều cao cây: từ 50 cm (tính từ mặt bầu).</p>	<p>- Cây sinh trưởng tốt, cứng cáp, không cụt ngọn, không sâu bệnh. + Đường kính cổ rễ: từ 0,5 cm; + Chiều cao cây: từ 50 cm (tính từ mặt bầu).</p>
<p>Tuổi cây</p>	<p>6 tháng tuổi</p>	
<p>Quy cách túi bầu</p>	<p>(13 x 18) cm</p>	
<p>Phương thức làm đất</p>	<p>Cày toàn diện, khối lượng 10.000 m<sup>2</sup> /ha</p>	
<p>Phương pháp làm đất</p>	<p>Cuốc hố thủ công</p>	
<p>Quy cách hố</p>	<p>(50 x 50 x 50) cm</p>	
<p>Chuẩn bị hố trồng</p>	<p>Bón lót phân hữu cơ vi sinh, khối lượng 0,5kg/hố; bỏ hạt tích nước , khối lượng 0,04 kg/hố; thuốc trừ sâu, mối, khối lượng 0,02 kg/hố.</p>	
<p>Chăm sóc sau khi trồng (năm thứ nhất)</p>	<p>- Trồng dặm 10% so với mật độ trồng ban đầu, khối lượng 111 cây/ha; - Dãy cỏ, xới vun gốc theo cây, đường kính 0,8 m (khối lượng 1.111 cây/ha); - Bón thúc phân hữu cơ khoáng, khối lượng 0,5 kg/cây (mật độ 1.111 cây/ha); - Cày chăm sóc giữa hai hàng cây, khối lượng 6.667 m<sup>2</sup>/ha - Phát chăm sóc thủ công trên hàng, khối lượng 2.775 m<sup>2</sup>/ha; - Bảo vệ rừng: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời (<i>thời gian bảo vệ từ tháng 9 đến hết tháng 12</i>).</p>	
	<p>- Trồng dặm 20% so với mật độ trồng ban đầu, khối lượng 222 cây/ha; bón lót phân hữu cơ vi sinh (khối lượng 0,5 kg/hố) và bỏ hạt tích nước (khối lượng 0,04kg/hố); kết hợp</p>	

<p style="text-align: center;"><b>Lô, khoảnh</b></p> <p><b>Hạng mục</b></p>	<p><b>Lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 – khoảnh 1, tiểu khu 147; lô 1, 2, 3, 4 – khoảnh 2, tiểu khu 148; Lô 1, 2, 3, 4 – khoảnh 4, tiểu khu 150</b></p>	<p><b>Lô 1; Khoảnh 3, tiểu khu 149</b></p>
<p>Chăm sóc năm thứ hai</p>	<p>bỏ thuốc trừ sâu mỗi, khối lượng 0,02 kg/cây cho cây trồng dặm;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy cỏ, xới vun gốc theo cây, đường kính 0,8 m, <b>02 lần/năm</b> (khối lượng 1.111 cây/ha/lần);</li> <li>- Bón thúc phân hữu cơ khoáng lần 1, khối lượng 0,5 kg/cây (mật độ 1.111 cây/ha);</li> <li>- Bón thúc phân hữu cơ khoáng lần 2, khối lượng: 0,4 kg/cây (mật độ 1.111 cây/ha);</li> <li>- Cày chăm sóc giữa hai hàng cây <b>02 lần/năm</b>, khối lượng 6.667 m<sup>2</sup>/ha/lần;</li> <li>- Phát chăm sóc thủ công trên hàng <b>02 lần/năm</b>, khối lượng 2.775 m<sup>2</sup>/ha/lần;</li> <li>- Bảo vệ rừng: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời (<i>thời gian bảo vệ từ tháng 01 đến hết tháng 12</i>).</li> </ul>	
<p>Chăm sóc năm thứ ba</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trồng dặm 20% so với mật độ trồng ban đầu, khối lượng 222 cây/ha; bón lót phân hữu cơ vi sinh (khối lượng 0,5 kg/hố) và bỏ hạt tích nước (khối lượng 0,04kg/hố); kết hợp bỏ thuốc trừ sâu mỗi, khối lượng 0,02 kg/cây cho cây trồng dặm;</li> <li>- Dãy cỏ, xới vun gốc theo cây, đường kính 0,8 m, <b>02 lần/năm</b> (khối lượng 1.111 cây/ha/lần);</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bón thúc phân hữu cơ khoáng lần 1, khối lượng 0,3 kg/cây; (mật độ 1.111 cây/ha);</li> <li>- Bón thúc phân hữu cơ khoáng lần 2, khối lượng 0,3 kg/cây (mật độ 1.111 cây/ha);</li> <li>- Cày chăm sóc giữa hai hàng cây <b>02 lần/năm</b>, khối lượng 6.667 m<sup>2</sup>/ha/lần;</li> <li>- Phát chăm sóc thủ công trên hàng <b>02 lần/năm</b>, khối lượng 2.775 m<sup>2</sup>/ha/lần;</li> <li>- Bảo vệ rừng: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có</li> </ul>	

<p style="text-align: center;"><b>Lô, khoảnh</b></p> <p><b>Hạng mục</b></p>	<p><b>Lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 – khoảnh 1, tiểu khu 147; lô 1, 2, 3, 4 – khoảnh 2, tiểu khu 148; Lô 1, 2, 3, 4 – khoảnh 4, tiểu khu 150</b></p>	<p><b>Lô 1; Khoảnh 3, tiểu khu 149</b></p>
	<p>biện pháp ngăn chặn kịp thời (<i>thời gian bảo vệ từ tháng 01 đến hết tháng 12</i>).</p>	
<p style="text-align: center;">Chăm sóc năm thứ tư</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy cỏ, xới vun gốc theo cây, đường kính 0,8 m, <b>01 lần/năm</b> (khối lượng 1.111 cây/ha/lần);</li> <li>- Cày chăm sóc giữa hai hàng cây <b>1 lần/năm</b>, khối lượng 6.667 m<sup>2</sup>/ha/lần;</li> <li>- Phát chăm sóc thủ công trên hàng <b>01 lần/năm</b>, khối lượng 2.775 m<sup>2</sup>/ha/lần;</li> <li>- Bảo vệ rừng: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời (<i>thời gian bảo vệ từ tháng 01 đến hết tháng 12</i>).</li> </ul>	
<p style="text-align: center;">Chăm sóc năm thứ năm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dãy cỏ, xới vun gốc theo cây, đường kính 0,8 m, <b>01 lần/năm</b> (khối lượng 1.111 cây/ha/lần);</li> <li>- Cày chăm sóc giữa hai hàng cây <b>01 lần/năm</b>, khối lượng 6.667 m<sup>2</sup>/ha/lần;</li> <li>- Phát chăm sóc thủ công trên hàng <b>01 lần/năm</b>, khối lượng 2.775 m<sup>2</sup>/ha/lần;</li> <li>- Bảo vệ rừng: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời (<i>thời gian bảo vệ từ tháng 01 đến hết tháng 12</i>).</li> </ul>	

### 3.2. Giải pháp kỹ thuật:

Nhà thầu thuyết minh các giải pháp công việc đáp ứng theo quy định của E-HSMT:

- Tổ chức mặt bằng (Lán trại, kho bãi tập kết vật tư, vật liệu, chất thải, biển báo (nếu có), liên lạc trong quá trình thực hiện) và bố trí nhân lực hợp lý thực hiện các công việc theo yêu cầu của HSMT .

- Phải có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý ở trụ sở nhà thầu và ở địa điểm thực hiện công việc (bao gồm sơ đồ tổ chức + thuyết minh).

- Các nội dung công việc chính bao gồm: Công tác chuẩn bị; công tác vận chuyển và tập kết cây giống; công tác làm đất cục bộ, xử lý thực bì; đo đạc cắm tiêu, vận chuyển và tập kết cây giống, đào hố và lấp hố; Kỹ thuật trồng; bón phân kỹ thuật chăm sóc rừng; bơm tiêu nước (nếu có), phát dọn thực bì, trồng dặm; bảo vệ rừng;

- Biện pháp tổ chức thực hiện công việc khi gặp các điều kiện bất lợi: Trong mùa mưa bão, gió chướng.

- Phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về Bảo hành, bảo trì và uy tín của nhà thầu.

- Nhà cung cấp phải phù hợp và khả thi để triển khai thi công gói thầu và đầy đủ năng lực cung cấp đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá của E-HSMT (Các loại vật tư, vật liệu phụ hoặc khác,... không thuộc vật tư, vật liệu chính)

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu hàng hóa có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu.

#### BẢNG VẬT TƯ, VẬT LIỆU CHÍNH CHO GÓI THẦU:

STT	Mô tả	YÊU CẦU TÀI LIỆU TỪ NHÀ SẢN XUẤT
1	Xoan chịu hạn	<p>- Cây giống trồng rừng phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng (theo quy định tại Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ và Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT);</p> <p>- Cây sinh trưởng tốt, cứng cáp, không cụt ngọn, không sâu bệnh.</p> <p>+ Đường kính cổ rễ: từ 0,5 cm;</p> <p>+ Chiều cao cây: từ 50 cm (tính từ mặt bầu).</p> <p>+ Tuổi cây <math>\geq</math> 6 tháng tuổi</p> <p>+ Quy cách túi bầu: (13 x 18) cm</p>
2	Thanh Thất	<p>- Cây giống trồng rừng phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng (theo quy định tại Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ và Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT);</p> <p>- Cây sinh trưởng tốt, cứng cáp, không cụt ngọn, không sâu bệnh.</p> <p>+ Đường kính cổ rễ: từ 0,5 cm;</p> <p>+ Chiều cao cây: từ 50 cm (tính từ mặt bầu).</p>

		+ Tuổi cây $\geq 6$ tháng tuổi + Quy cách túi bầu: (13 x 18) cm
3	Phân hữu cơ vi sinh (bón lót)	Hữu cơ: 15%; Độ ẩm: 30% pHH <sub>2</sub> O: 5 VSV cố định đạm Azotobacter sp: $1 \cdot 10^6$ CFU/g VSV phân giải xenlulo : $1 \cdot 10^6$ CFU/g (bổ sung vi sinh vật Trichoderma sp)
4	Phân hữu cơ khoáng (bón thúc)	Đạm tổng số (Nts):5%; Hữu cơ: 15%; Kẽm (Zn): 200ppm; Lân hữu hiệu ( P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> ): 3%; Magie (Mg):1.5%; Kali hữu hiệu (K <sub>2</sub> O <sub>hh</sub> ): 2%; Bo (B):50ppm; Mangan (Mn):600ppm; Đồng (Cu):50ppm; Độ ẩm : 25%; pH <sub>H</sub> 2O: 5%
5	Chế phẩm sinh học(hạt tích nước)	Polyme siêu hấp thụ nước (SAMS-1) hoặc tương đương

- Nhà thầu dựa vào E-HSMT để lập Bảng tổng hợp nhu cầu về chi tiết, cấu kiện, vật liệu chủ yếu (bao gồm: đầy đủ vật tư, vật liệu chính (các vật liệu khác (nếu có)) và yêu cầu số lượng tối thiểu phải hợp lý đáp ứng để triển khai công việc:

**Bảng tổng hợp nhu cầu về chi tiết, cấu kiện, vật liệu chủ yếu**

STT	Tên chi tiết, cấu kiện, vật liệu	Kí, mã hiệu (nếu có)	Đơn vị đo	Số lượng

*Ghi chú:*

+ Cột “Đơn vị đo”: của vật liệu được xác định là đơn vị tính của vật liệu theo hao phí (Ví dụ: Đất, cát: đơn vị đo là m<sup>3</sup>)

+ Cột “Số lượng”: được xác định là tổng khối lượng hao phí của vật liệu tính theo đơn vị đo (phải được xác định ra giá trị để tổ chuyên gia xem xét có bảo đảm phù hợp để phục vụ thi công gói thầu hay không (không sử dụng ký hiệu  $\geq$ )).

- Biểu đồ tiến độ thể hiện (Nội dung thực hiện; sự huy động số lượng nhân công; thiết bị chủ yếu; vật tư, vật liệu chính) đầy đủ, hợp lý, khả thi.

- An toàn lao động: Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông phải hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và nêu các quy định hiện hành áp dụng.

- Phòng cháy, chữa cháy: nhà thầu phải thuyết minh nội dung về bảo vệ và phòng chống cháy rừng; Nhà thầu phải nêu rõ các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây

dựng Việt Nam, quy định pháp luật hiện hành (phải còn hiệu lực) về PCCC áp dụng cho công việc.

- Vệ sinh môi trường: Có thuyết minh biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công (vận chuyển chất thải (bao nilông, vỏ bầu cây), dọn dẹp hoàn trả hiện trạng công trình).

### **3.3. Quy trình, quy phạm áp dụng cho công việc và nghiệm thu:**

Nhà thầu dựa vào biện pháp thực hiện công việc do mình đề ra, nêu các Tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam được áp dụng thực hiện và nghiệm thu công việc.

Tất cả các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định pháp luật viện dẫn áp dụng phải còn hiệu lực (trường hợp E-HSMT viện dẫn quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định pháp luật chưa đồng bộ (chỗ đúng chỗ sai đối với một tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định pháp luật) thì được xem xét là chấp thuận được).

### **4. Giải pháp và phương pháp luận:**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

### **5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:**

Quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng: Thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành tại thời điểm kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm.

### **6. Các bản vẽ:**

E-HSMT có đính kèm bản vẽ thiết kế.

### **Ghi chú:**

- Nhà thầu tham dự thầu tìm hiểu áp dụng các định mức, quy định hiện hành để lập giá dự thầu và khuyến cáo không vượt (trường hợp bị vượt, tổ chuyên gia sẽ áp dụng hiệu chỉnh sai lệch) giá trị chi phí xây dựng theo kế hoạch hằng năm của công trình tham khảo như sau:

- + Trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 1: 3.450.059.114 đồng.
- + Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm thứ 2: 1.991.158.588 đồng.
- + Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm thứ 3: 1.804.133.583 đồng.
- + Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm thứ 4: 378.214.975 đồng

+ Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm thứ 5: 378.214.975 đồng

- Trường hợp có nội dung nào đó trong các tài liệu của E-HSMT cung cấp có sự không thống nhất, nhà thầu phải đề nghị làm rõ theo quy định trước khi đề xuất trong E-HSDT; trường hợp nhà thầu không đề nghị làm rõ, trong quá trình đánh giá E-HSDT, tư vấn đấu thầu đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu E-HSMT của nhà thầu theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Mức độ đáp ứng quy định tại các văn bản trả lời làm rõ E-HSMT của Bên mời thầu là một phần căn cứ để lập E-HSDT (nếu có);

+ Mức độ đáp ứng yêu cầu quy định tại Chương III của E-HSMT;

+ Mức độ đáp ứng yêu cầu quy định tại Chương V của E-HSMT;

+ Mức độ đáp ứng yêu cầu hồ sơ thiết kế kèm theo E-HSMT (nếu có);

+ Mức độ đáp ứng yêu cầu nêu trong bảng chi tiết hạng mục công việc đính kèm hệ thống;

+ Tài liệu pháp lý khác có liên quan.

- Trong quá trình đăng tải thông báo mời thầu, nếu có nội dung chưa rõ hoặc chưa phù hợp của E-HSMT mà nhà thầu không tiến hành làm rõ hoặc có kiến nghị (phù hợp) về nội dung của E-HSMT, nếu sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu nhưng nhà thầu lại gửi kiến nghị liên quan đến nội dung của E-HSMT làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện gói thầu của Chủ đầu tư thì việc này sẽ được xem xét là hành vi cản trở hoạt động đấu thầu quy định tại điểm d, Khoản 5, Điều 16, Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023.